

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST

Ngày: 29/8/2018

V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân
sự gửi giữ tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Long

Bà Trần Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Quyên là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

Trong các ngày 28, 29 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 25/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự gửi giữ tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:08/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T (Phan Thị L) – sinh năm 1965

Trú tại: Thôn A – xã Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị H – sinh năm: 1971, trú tại: Thôn B – xã M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng, địa chỉ liên hệ: Số C – đường N – tổ dân phố C – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 12 năm 2017).

(Bà H có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Ông Phan Văn S (Phan Văn T) – sinh năm 1963

Trú tại: Thôn A – xã Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(Ông S có mặt tại phiên tòa)

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị V – sinh năm 1929

Trú tại: Thôn A – xã Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

+ Ông Phan Văn L – sinh năm 1940

Trú tại: Tổ dân phố C – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

+ Bà Trần Thị M – sinh năm 1963

Trú tại: Thôn A – xã Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

+ Bà Trần Thị P – sinh năm 1963

Trú tại: Thôn A – xã Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

+ Bà Phan Thị H – sinh năm 1965

Trú tại: Ấp V – xã G – huyện T – tỉnh Đồng Nai (có mặt).

+ Ông Bùi Mạnh H – sinh năm 1950

Trú tại: Thôn A – xã Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

+ Ông Lê Như T – sinh năm 1970

Trú tại: Thôn A – xã Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

+ Ông Phạm Hồng S

Trú tại: Thôn A – xã Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn Q

Trú tại: Thôn A – xã Đ – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 12 năm 2017 của bà Phan Thị T (Phan Thị L) và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị H Trình bày:

Bà Phan Thị T (tên gọi khác là Phan Thị L) vì là chỗ anh em ruột tin tưởng nhau nên vào ngày 07/9/2014 âm lịch nhằm ngày 30/10/2014 dương lịch bà T có gửi ông Phan Văn S (tên gọi khác là Phan Văn T) giữ hộ số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), ông S tự viết và ký giấy giữ hộ tiền cho bà T và cam kết khi nào bà T cần số tiền gửi trên thì ông S phải trả lại ngay, do tên thường gọi của bà T là L và tên thường gọi của ông Phan Văn S là Phan Văn T nên trong giấy gửi giữ ngày 07/9/2014 ông S đã viết tên bà T là L và ông S đã ký ghi họ tên ông S là Phan Văn T. Sau đó khi bà T cần tiền sử dụng nên đã đòi ông S nhiều lần nhưng ông S không trả. Bà T và ông S không có văn bản thỏa thuận cầm giữ tiền ăn vào tiền gửi giữ, bà T cũng đã phải làm việc nhà cho ông S, trước thời điểm vào nhà ông S thì bà T cũng đã có tiền gửi ông S, hơn nữa bà T đã bị Ủy ban nhân dân xã H – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng không cho hưởng chế độ người khuyết tật, hiện nay bà T cũng đi làm thuê có thu nhập đã khẳng định bà T có

khả năng lao động nuôi bản thân. Vì vậy, bà T không đồng ý với ý kiến của ông S về việc ông S cho rằng đã cản trừ số tiền gửi giữ vào số tiền ông S nuôi ăn bà T trong thời gian bà T ở nhà ông S.

Nay bà Phan Thị T (Phan Thị L) khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn S (Phan Văn T) phải có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị T (Phan Thị L) số tiền đã nhận gửi giữ là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Ngoài ra bà Phan Thị H không yêu cầu gì khác.

** Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Phan Văn S (Phan Văn T) trình bày:*

Ngày 07/9/2014 âm lịch nhằm ngày 30/10/2014 dương lịch ông Phan Văn S có nhận tiền gửi do mẹ ông là Nguyễn Thị V gửi 9.000.000đ (chín triệu đồng) và em ông là Phan Thị T gửi 4.000.000đ (bốn triệu đồng) thể hiện bằng giấy viết tay do ông S viết và ký tên, do bà T có tên thường gọi là L và ông có tên thường gọi là T nên trong giấy gửi giữ tiền ông ghi bà T là L sau đó ông ký tên ông là Phan Văn T. Và đến ngày 12/10/2014 âm lịch mẹ ông và em T vào ở cùng với gia đình ông đến ngày 18/11/2015 thì mẹ và em T chuyển ở riêng, ăn riêng. Trong thời gian ở cùng gia đình ông mẹ và em T không tham gia đóng góp tiền để mua gạo, thức ăn phục vụ sinh hoạt hàng ngày khi ông yêu cầu đóng góp một phần tiền ăn thì mẹ ông và em T trả lời tiền mẹ gửi và em T gửi thì anh chị trừ đi coi như mẹ và em T đã góp tiền ăn hàng ngày, vì tình mẹ con, anh em nên ông S không làm giấy tờ và cũng không nghĩ đến việc tờ giấy ông viết và đòi xé đi. Số tiền mẹ và em T gửi đã được thỏa thuận trừ vào tiền ăn, ở với vợ chồng ông trong thời gian 13 tháng có người làm chứng là em út trong nhà là Phan Thị H. Còn lại số tiền hàng tháng chế độ mẹ liệt sỹ trong những tháng mẹ ông nhận thì mẹ ông giữ, những tháng ông được ủy quyền nhận thì ông đưa lại cho mẹ ông được thể hiện có nhiều người làm chứng. Nay bà Phan Thị T đã sử dụng tờ giấy ông viết giữ tiền từ ngày 07/9/2014 để kiện ông đòi tiền gửi của em T thì ông có ý kiến em T thực trạng tâm thần trí tuệ không phát triển khi vào nhà ông ở không làm được gì, em T và ông đã thỏa thuận miệng cản trừ tiền gửi giữ vào tiền ăn nên ông không phải trả tiền gửi giữ cho em T ngược lại tiền ăn của em T thời gian 13 tháng mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) tổng cộng là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) trừ tiền gửi giữ 4.000.000đ còn nợ ông 9.000.000đ nên ông yêu cầu bà T trả ông tiền nuôi ăn là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Nay ông Phan Văn S không đồng ý trả cho bà Phan Thị T số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) đã gửi ông vì số tiền trên đã được bà T và ông S thỏa thuận cản trừ vào tiền ăn hàng tháng, việc cản trừ đã được thỏa thuận, thống nhất bằng lời có em út là Phan Thị H chứng kiến không thể hiện bằng văn bản.

Ngoài ra ông Phan Văn S (Phan Văn T) không trình bày gì khác.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị V trình bày không nhớ gì về việc gửi giữ tiền.

Người làm chứng ông Phan Văn L trình bày ông có nghe nói có việc gửi giữ tiền và có việc cản trừ tiền ăn vào tiền gửi giữ.

Người làm chứng bà Trần Thị Mai trình bày bà có nghe nói có việc gửi giữ tiền còn việc cản trừ tiền ăn vào tiền gửi giữ thì bà không biết.

Người làm chứng bà Trần Thị Phụng trình bày bà là vợ ông S và là con bà Vân, chị dâu bà T, vợ chồng bà nuôi bà T, bà Vân, bà có biết việc gửi giữ tiền và việc cản trừ tiền ăn vào tiền gửi giữ của bà Vân, bà T.

Người làm chứng bà Phan Thị H trình bày bà là em của ông S và bà T, bà có biết việc gửi giữ tiền và bà là người chứng kiến việc cản trừ tiền ăn vào tiền gửi giữ của bà T nhưng việc cản trừ này không lập văn bản.

Người làm chứng ông Bùi Mạnh H trình bày ông có biết việc bà T có ở gia đình ông S, bà Phụng.

Người làm chứng ông Lê Như T trình bày ông có biết việc bà T có ở gia đình ông S, bà Phụng.

Theo tài liệu có trong hồ sơ người làm chứng ông Phạm Hồng S trình bày ông có biết việc bà T có ở gia đình ông S, bà Phụng.

Theo tài liệu có trong hồ sơ ông Nguyễn Văn Q trình bày ông có biết việc bà T có ở gia đình ông S, bà Phụng.

Tong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Phan Văn S tham gia tố tụng nhưng ông S vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị T (Phan Thị L) khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn S (Phan Văn T) phải trả cho bà Phan Thị T (Phan Thị L) số tiền đã nhận gửi giữ, bị đơn ông Phan Văn S (Phan Văn T) có địa chỉ cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự gửi giữ tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng là phù hợp quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người làm chứng ông Phạm Hồng S và ông Nguyễn Văn Q vắng mặt nhưng đã có lời khai nên giải quyết vắng mặt là phù hợp Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T (Phan Thị L) yêu cầu bị đơn ông Phan Văn S (Phan Văn T) phải trả số tiền nhận gửi giữ là 4.000.000đ thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng gửi giữ tiền ngày 30/10/2014 giữa nguyên đơn và bị đơn về chủ thể ký kết hợp đồng, về mục đích, hình thức và nội dung của hợp đồng đều tuân theo các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại hợp đồng này thể hiện nội dung ông Phan Văn S có nhận gửi giữ của bà Phan Thị T số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), hai bên có thỏa thuận “khi nào cần đến anh T phải trả ngay”, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông S (T) trả số tiền đã gửi giữ nhưng ông S không trả.

Bên cạnh đó bà Phan Thị T và ông Phan Văn S đều thừa nhận vào ngày 07/9/2014 âm lịch nhằm ngày 30/10/2014 dương lịch ông Phan Văn S có nhận tiền gửi do mẹ ông là Nguyễn Thị V gửi 9.000.000đ (chín triệu đồng) và em ông là bà Phan Thị T gửi 4.000.000đ (bốn triệu đồng) thể hiện bằng giấy viết tay do ông S viết và ký tên, do bà T có tên thường gọi là L và ông S có tên thường gọi là T nên trong giấy gửi giữ tiền ông ghi bà T là L sau đó ông S ký tên ông là Phan Văn T. Từ đó khẳng định ông S có nhận gửi giữ số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) của bà T. Ông S cho rằng số tiền gửi giữ đã được cân trừ vào tiền ăn hàng tháng trong thời gian bà T sống cùng vợ chồng ông S nhưng ông S đã không cung cấp được cho Tòa án văn bản chứng minh việc các bên đã cân trừ tiền gửi giữ vào tiền ăn hàng tháng, người làm chứng là bà Hoa và bà Phụng trình bày có biết việc cân trừ tiền gửi giữ của bà T vào tiền ăn hàng tháng của bà T nhưng chỉ được các bên thỏa thuận bằng miệng hơn nữa bà T không thừa nhận việc cân trừ tiền ăn vào tiền gửi giữ. Vì vậy, không có cơ sở xác định số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) bà T gửi ông S đã được cân trừ vào tiền ăn hàng tháng trong thời gian bà T ở nhà ông S. Việc bà T nhiều lần yêu cầu ông S trả lại số tiền gửi theo thỏa thuận là phù hợp với thỏa thuận gửi tiền ngày 30/10/2014. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Điều 554, 556, 557, 559, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T (Phan Thị L) buộc ông Phan Văn S (Phan Văn T) phải trả lại số tiền đã nhận gửi giữ là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho bà Phan Thị T (Phan Thị L) là có cơ sở pháp luật.

Tại phiên tòa ông Phan Văn S yêu cầu bà Phan Thị T (Phan Thị L) phải có trách nhiệm trả lại cho ông Phan Văn S số tiền ăn hàng tháng là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tương đương với 13 tháng bà T ăn ở tại nhà ông S trong đó có trừ tiền ăn 4.000.000đ (bốn triệu đồng) vào tiền gửi giữ nên số tiền ông S yêu cầu trả tiền ăn còn 9.000.000đ (chín triệu đồng). Ông S đưa ra yêu cầu sau thời điểm tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn bà Phan Thị T được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được trả lại số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007611 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là đúng pháp luật.

Bị đơn ông Phan Văn S (Phan Văn T) có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị T (Phan Thị L) số tiền là 4.000.000đ do vậy bị đơn ông Phan Văn S (Phan Văn T) phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 229, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 554, 556, 557, 559, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T (Phan Thị L) đối với bị đơn ông Phan Văn S (Phan Văn T) về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự gửi giữ tài sản”.

Buộc ông Phan Văn S (Phan Văn T) phải có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị T (Phan Thị L) số tiền đã nhận gửi giữ là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Phan Văn S (Phan Văn T) phải có trách nhiệm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Phan Thị T (Phan Thị L) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007611 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Đinh Xuân Trường